

Bản án số: 61/2017/HC-ST

Ngày: 26-9-2017

V/v khiếu kiện quyết định về việc giải quyết khiếu nại về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và hành vi không ban hành quyết định bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Trương Hiền
2. Ông Dương Thanh Quan

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hy Len - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 65/2017/TLST-HC ngày 03 tháng 7 năm 2017 về việc: “Khiếu kiện quyết định về việc giải quyết khiếu nại về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và hành vi không ban hành quyết định bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2017/QĐXXST-HC ngày 11 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1954; Cư trú tại: Tổ 9, ấp 6, thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của ông T: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1970; Cư trú tại: khu phố 6, thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 01/8/2017).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T: Luật sư Trần Công Ly T – Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

-Người bị kiện:

1. Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang – ông Đinh Khoa T;
2. Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- Người đại diện hợp pháp của UBND huyện P: Ông Đinh Khoa T, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện P; Cư trú tại: khu phố 02, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

(Ông T vắng mặt. Bà N, luật sư Ly T có mặt.

Ông T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, người khởi kiện ông Nguyễn Văn T và người đại diện bà Nguyễn Thị N trình bày:

Năm 1992 vợ chồng ông Nguyễn Công C và bà Nguyễn Thị N chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn U diện tích đất nông nghiệp khoảng 3ha (30.000m²), tọa lạc tại ấp 6 (nay là khu phố 6), thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang. Sau khi chuyển nhượng, vợ chồng ông C, bà N sử dụng canh tác ổn định, không có ai tranh chấp.

Năm 2012 vợ chồng ông C, bà N chuyển nhượng cho ông T diện tích đất khoảng 1 ha (đo đạc thực tế 9.892,4m²) trong diện tích đất nêu trên. Hiện trạng đất lúc chuyển nhượng có trồng đào, dừa...đang cho trái.

Năm 2014 Nhà nước quy hoạch khu vực ấp 6 để làm Dự án khu phức hợp du lịch sinh thái Bãi K. Toàn bộ diện tích đất của gia đình ông C bị thu hồi. UBND huyện P đã giải quyết chính sách bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông C đúng quy định của pháp luật.

Ngày 27/6/2014 UBND huyện P ban hành Quyết định số 3367/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 9.892,4m² của ông T. Nhưng không bồi thường quyền sử dụng đất, cây trồng và vật kiến trúc trên đất. Ông T khiếu nại đến UBND huyện P yêu cầu được bồi thường quyền sử dụng đất bị thu hồi, cây trồng và vật kiến trúc.

Ngày 28/8/2015 Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 3960/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại khẳng định việc UBND huyện P không xem xét bồi

thường quyền sử dụng đất diện tích 9.892,4m², cây trồng và vật kiến trúc cho ông T là đúng quy định của pháp luật.

Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang hủy Quyết định số 3960/QĐ-UBND ngày 28/8/2015 của Chủ tịch UBND huyện P và buộc UBND huyện P bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 9.892,4m², cây trồng và vật kiến trúc trên đất đã được kiểm đếm khi lập Dự án khu du lịch sinh thái Bãi K với số tiền khoảng 12 tỷ đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, người bị kiện UBND huyện P và Chủ tịch UBND huyện P đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhưng không có văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông T, không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến quyết định hành chính và hành vi hành chính bị kiện và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà N đại diện cho ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 3960/QĐ-UBND ngày 28/8/2015 của Chủ tịch UBND huyện P và buộc UBND huyện P bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 9.892,4m², cây trồng và vật kiến trúc trên đất do bị thu hồi đất để thực hiện Dự án khu phức hợp du lịch sinh thái Bãi K tại thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật. Vì diện tích đất này có nguồn gốc do ông T chuyển nhượng của vợ chồng bà N năm 2012, nằm trong tổng diện tích đất 3ha của vợ chồng bà chuyển nhượng từ ông U năm 1992. Tại thời điểm năm 2014, Nhà nước thu hồi diện tích đất của vợ chồng bà N và đã bồi thường thì không thể cho rằng phần diện tích đất còn lại 9.892,4m² do lấn chiếm và sử dụng sau ngày 01/7/2004.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T. Chủ tịch UBND huyện P không có căn cứ nào để xác định ông C, bà N sử dụng diện tích đất chuyển nhượng cho ông T sau ngày 01/7/2004. Trên đất có thành quả lao động. Căn cứ Luật Đất đai năm 2003 và các Nghị định hướng dẫn thi hành, cụ thể: Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai thì ông T đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất.

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và việc tuân theo pháp luật của những người

tham gia tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính tại phiên tòa sơ thẩm.

Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ đủ điều kiện để giải quyết vụ kiện.

Người khởi kiện, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Đối với người bị kiện: UBND huyện P và Chủ tịch UBND huyện P có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính. Người bị kiện không tham gia tố tụng và cũng không cung cấp bất cứ tài liệu chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông T là chưa chấp hành về nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, chứng minh theo quy định tại Điều 78 Luật Tố tụng hành chính. Mặc dù, người bị kiện đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án. Việc không tham gia tố tụng của người bị kiện gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc xem xét đánh giá chứng cứ.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 3960/QĐ-UBND ngày 28/8/2015 của Chủ tịch UBND huyện P và buộc UBND huyện P ban hành quyết định về bồi thường, hỗ trợ cho ông T theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang hủy Quyết định số 3960/QĐ-UBND ngày 28/8/2015 của Chủ tịch UBND huyện P và buộc UBND huyện P ban hành quyết định bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 9.892,4m², cây trồng và vật kiến trúc trên đất là khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 30, 32 Luật Tố tụng hành chính.

- Ngày 28/8/2015 Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 3960/QĐ-UBND. Ngày 04/5/2017 ông Nguyễn Văn T mới nhận được quyết định. Ngày 18/5/2017 ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 3960/QĐ-UBND là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều

116 Luật Tố tụng hành chính.

- Người bị kiện UBND huyện P và Chủ tịch UBND huyện P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính xét xử vắng mặt người bị kiện.

[2] Về nội dung của vụ án:

- Quyết định số 3960/QĐ-UBND ngày 28/8/2015 của Chủ tịch UBND huyện P là quyết định giải quyết khiếu nại nên Chủ tịch UBND huyện P ban hành quyết định là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại.

- Nội dung của quyết định giải quyết khiếu nại:

Ngày 27/6/2014 UBND huyện P ban hành Quyết định số 3367/QĐ-UBND thu hồi của ông Nguyễn Văn T diện tích 9.892,4m², loại đất trồng cây lâu năm tại ấp 6, thị trấn A, huyện P để giao cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên M để thực hiện Dự án khu phức hợp du lịch sinh thái Bãi K.

Sau khi thu hồi đất ông T không được UBND huyện P bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật. Vì vậy, ông T đã làm đơn khiếu nại đến UBND huyện P.

Ngày 15/8/2015 ông T đã bị cưỡng chế giao diện tích đất trên cho nhà đầu tư. Ông T đã khởi kiện quyết định thu hồi đất và quyết định cưỡng chế thu hồi đất tại Tòa án.

Năm 2017 ông T biết được Chủ tịch UBND huyện P đã có quyết định giải quyết khiếu nại và trên thực tế diện tích đất bị thu hồi nhà đầu tư đã xây dựng toàn bộ nên ông T rút lại yêu cầu khởi kiện đối với quyết định thu hồi đất, quyết định cưỡng chế. TAND tỉnh Kiên Giang đã đình chỉ giải quyết vụ án.

Ngày 04/5/2017 ông T liên hệ với UBND huyện P nhận được quyết định giải quyết khiếu nại.

Tại Quyết định số 3960/QĐ-UBND ngày 28/8/2015 của Chủ tịch UBND huyện P xác định diện tích đất ông T bị thu hồi có nguồn gốc do vợ chồng ông Nguyễn Công C và bà Nguyễn Thị N bao chiếm đất Quốc phòng năm 2006.

Ngày 10/4/2008 Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định số 974/QĐ-UBND về việc thanh tra tình hình quản lý sử dụng đất đai của Vùng 5 Hải quân trên địa bàn thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang. Sau thanh tra UBND tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 11/02/2009 giao cho UBND huyện P ban hành quyết định thu hồi đất đối với 35 hộ lán, chiếm sử dụng đất sau ngày 01/7/2004 trong đó có hộ của ông C.

Tuy nhiên, đến trước tháng 6/2014 UBND huyện P vẫn chưa ban hành quyết định thu hồi đất đối với ông C.

Vì lý do là đất lấn chiếm nên ông T không đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất theo quy định tại khoản 2 Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ.

Theo các tài liệu, chứng cứ do bà N cung cấp thì diện tích đất của ông T có nguồn gốc nằm trong tổng diện tích khoảng 3ha do vợ chồng ông C, bà N chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn U vào năm 1992 có giấy chuyển nhượng viết tay và có xác nhận của chính quyền địa phương năm 1993.

Theo danh sách thống kê tài sản trên diện tích đất của ông T bị thu hồi có 540 cây trồng các loại. Trong đó, riêng đào loại A có 298 cây. Thống kê này cũng phù hợp với biên bản xác minh cây trồng do chính quyền xã A lập ngày 05/02/2007 đối với vợ chồng bà N trên phần diện tích đất 9.990m² (là diện tích đất chuyển nhượng cho ông T).

UBND huyện P không có tài liệu nào chứng minh về hành vi vi phạm pháp luật đất đai của vợ chồng ông C, bà N tại thời điểm thanh tra. Vì vậy, không có cơ sở để cho rằng vợ chồng ông C, bà N có hành vi lấn chiếm đất Quốc phòng.

Chủ tịch UBND huyện P cũng không có căn cứ nào khác để phủ nhận lại tài liệu thể hiện việc vợ chồng ông C, bà N chuyển nhượng khoảng 3ha đất của ông U. Vì vậy, có cơ sở để xác định diện tích đất 9.892,4m² ông T bị thu hồi đã được ông C, bà N sử dụng từ năm 1992 thông qua hợp đồng chuyển nhượng.

Quyết định thu hồi đất của ông T ban hành ngày 27/6/2014 nên phải áp dụng Luật Đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn để xem xét điều kiện bồi thường. Cụ thể theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Luật Đất đai năm 2003 thì ông T không thuộc các trường hợp bị loại trừ nên đủ điều kiện bồi thường.

UBND huyện P thu hồi đất của ông T mà không bồi thường là trái với quy định của pháp luật đất đai. Nên cần phải hủy bỏ quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện P.

- Đối với yêu cầu của ông T về việc buộc UBND huyện P phải ban hành quyết định bồi thường khi thu hồi đất là có cơ sở chấp nhận. Vì đất của ông T bị thu hồi đủ điều kiện để được bồi thường nên cần thiết phải buộc UBND huyện Phú Quốc ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông T.

Đất ông T bị thu hồi năm 2014 nhưng đến nay chưa được bồi thường. Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, trường hợp của ông T chưa có phương án bồi thường tái định cư thì phải thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai năm 2013. Trường hợp chậm trả còn phải áp dụng Điều 93 Luật Đất đai năm 2013 để trả lãi cho ông T.

[3] Lẽ ra sau khi hủy quyết định bị kiện, Tòa án phải kiến nghị Chủ tịch UBND huyện P ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lại nhưng ông T không yêu cầu, đồng thời đã có yêu cầu buộc UBND huyện P ban hành quyết định bồi thường nên không cần thiết phải kiến nghị Chủ tịch UBND huyện P ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lại.

[4] Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, đề nghị của luật sư và đại diện Viện kiểm sát, hủy Quyết định số 3960/QĐ-UBND ngày 28/8/2015 của Chủ tịch UBND huyện P, buộc UBND huyện P ra quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông T quyền sử dụng đất bị thu hồi diện tích 9.892,4m², cây trồng và vật kiến trúc theo quy định của pháp luật.

[5] Án phí hành chính sơ thẩm:

Ông T không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp. UBND huyện P phải chịu án phí 300.000 đồng và Chủ tịch UBND huyện P phải chịu án phí 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 30, 32, 116, 158, 164, 193, 194 của Luật Tố tụng hành chính;

- Căn cứ Điều 18 của Luật Khiếu nại;

- Căn cứ Điều 42 của Luật Đất đai năm 2003;

- Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ Điều 34 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Căn cứ Điều 32 của Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Văn T.

- Hủy Quyết định số 3960/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Chủ tịch UBND huyện P, tỉnh Kiên Giang về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T, thường trú khu phố 6, thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện P ra quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông

Nguyễn Văn T quyền sử dụng đất diện tích 9.892,4m², cây trồng và vật kiến trúc trên đất theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

- Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện P phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng);

- Ủy ban nhân dân huyện P phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005950 ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Thu